| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 14/2025/QĐST-HNGĐ | *Gò Vấp, ngày 06 tháng 01 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 1473/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1982; Địa chỉ: 14/9$^{H}$ đường X, Phường Y, quận G, Thành phố H.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1995; Địa chỉ: 14/9$^{H}$ đường X, Phường Y, quận G, Thành phố H.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim C

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị Kim C thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 037 ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Ủy ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực).

2/ Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thiên K, sinh ngày 13/03/2017 giao cho bà C là người trực tiếp nuôi dưỡng và ông Hải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng một tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Trần Thị Kim C có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Minh H chưa đóng góp số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông H còn pH chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định

việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Hai bên tự giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng lẽ ra ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị Kim C mỗi người chịu 75.000 đồng, nhưng ông H tự nguyện chịu. Án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng ông H phải chịu. Ông H đã nộp đủ án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí số 0056729 ngày 20/11/2024 của C cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP.HCM.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- THADS Q. Gò Vấp;
- UBND P.16; Q. Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Chu Thị Bình**